



ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Tạp chí

KHOA HỌC & GIÁO DỤC

ISSN 1859-1612

Hue University's College of Education
Journal of Science and Education
Educational Issue

Chuyên san Khoa học Giáo dục

Số 01 (29)
2014

10. *Trần Xuân Tiếp* Cách thức tổ chức một số hoạt động ngoài giờ lên lớp môn Địa lí lớp 12 theo hướng phát triển các năng lực học sinh..... 79
11. *Thiều Thị Hương*
Đỗ Thị Tuyết Thực trạng sử dụng các biện pháp nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên năm thứ nhất của đội ngũ cố vấn học tập trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế..... 90
12. *Nguyễn Tuấn Vĩnh*
Phạm Thị Quỳnh Ni
Nguyễn Phước Cát Tường
Trần Thị Phương Anh
Hoàng Thị Diệu Hồng Vận dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng hoạt động độc lập cho trẻ khuyết tật trí tuệ..... 99
13. *Phạm Thị Thúy Hằng* Tích hợp luật sở hữu trí tuệ vào nội dung môn Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế..... 108
14. *Tsutsui Kazunobu*
Trần Thị Hồng Ân
Seki Koji
Bùi Thị Thu
Lê Đình Thuận
Nguyễn Quang Tuấn Kinh nghiệm về hợp tác phát triển cộng đồng với sinh viên ở nông thôn Nhật Bản: Khả năng áp dụng cho Việt Nam..... 117
15. *Văn Thị Thanh Nhung*
Nguyễn Thị Hiền
Nguyễn Giang Châu
Lê Thị Thanh Phương Thực trạng học thêm của học sinh lớp 10 các trường THPT TP Huế..... 127
16. *Lê Thị Thanh Hải* Năng lực tương tác trong giao tiếp với việc dạy và học ngoại ngữ..... 137

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG ĐỘC LẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

NGUYỄN TUẤN VĨNH - PHẠM THỊ QUỲNH NI - NGUYỄN PHƯỚC CÁT TƯỜNG

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH - HOÀNG THỊ DIỆU HỒNG

Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế

Tóm tắt: Kỹ năng hoạt động độc lập (KN HĐĐL) là một trong những hệ thống kỹ năng (KN) tối cần thiết cho mỗi cá nhân để đảm bảo sự hoạt động bình thường trong cuộc sống hàng ngày. Do những thiếu hụt về trí tuệ và hạn chế về nhận thức, trẻ khuyết tật trí tuệ (KTTT) gặp nhiều khó khăn trong việc hình thành và phát triển các KN này. Với những ưu điểm của mình, phương pháp giáo dục Montessori đã được vận dụng để xây dựng hệ thống bài tập phát triển các KN HĐĐL cơ bản và cần thiết cho trẻ KTTT. Quá trình thử nghiệm một số bài tập trên 3 trẻ KTTT đã cho thấy tính khả thi và hiệu quả của hệ thống bài tập này. Một số lưu ý khi sử dụng hệ thống bài tập này cũng được liệt kê trong bài báo.

Từ khóa: Phương pháp Montessori, Kỹ năng hoạt động độc lập, Trẻ khuyết tật trí tuệ

1. MỞ ĐẦU

Kỹ năng hoạt động độc lập (*independent functioning skills*) là một khái niệm có nội hàm khá rộng và bao quát, thể hiện qua những tên gọi khác nhau như KN hoạt động sống (*functional life skills*), KN sống độc lập (*independent living skills*), hay nói gọn là KN hoạt động (*functional skills*). KN HĐĐL là những KN cần thiết để bảo đảm duy trì hoạt động của cá nhân trong môi trường sống, giúp cá nhân hoạt động trong cuộc sống hàng ngày một cách tự tin, hiệu quả và ở mức độ phù hợp với lứa tuổi của cá nhân. Trẻ bình thường hình thành những KN này một cách dễ dàng và tự nhiên do sự tích lũy từ việc tương tác với môi trường và con người xung quanh (Herr và Batemen, 2012) [3]. Tuy nhiên, đối với trẻ KTTT, KN thích ứng nói chung và KN HĐĐL nói riêng phát triển không tương xứng với tuổi thực và không hoàn thiện, linh hoạt như trẻ bình thường cùng độ tuổi. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do chức năng hoạt động trí tuệ bị thiếu hụt đáng kể, khả năng khái quát hoá kém và cơ hội học ngẫu nhiên hạn chế. Vì vậy, trẻ KTTT khó có thể học và luyện tập KN một cách thông thường cũng như không thể vận dụng linh hoạt KN được học trong môi trường này vào những môi trường khác tương tự.

Phương pháp hoạt động tự do (*freework*) được nhà giáo dục người Italia Maria Montessori (1870 – 1952) xây dựng từ đầu thế kỷ XX (Vì vậy, phương pháp này còn được gọi là phương pháp Montessori). Đến nay, phương pháp này đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học cho trẻ bình thường và trẻ khuyết tật. Phương pháp hoạt động tự do chú trọng vào 5 lĩnh vực là: phát triển các hoạt

động thực tiễn trong cuộc sống, phát triển giác quan, toán, ngôn ngữ và văn hoá. Trong môi trường giáo dục Montessori, trẻ được tự do lựa chọn và hoạt động theo một số nguyên tắc định sẵn. Trên cơ sở đó, các KN của trẻ dần được hình thành và phát triển, khả năng HĐĐL được phát huy. Tuy có nhiều điểm ưu việt như vậy, song hiện nay, ở Việt Nam, phương pháp này còn tương đối mới mẻ, chỉ mới được áp dụng ở một số trường mầm non và hầu như chưa được biết đến trong các cơ sở GDĐB cho trẻ KTTT. Việc nghiên cứu, vận dụng phương pháp này vào việc phát triển KN HĐĐL cho KTTT sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống các phương pháp phát triển KN cho trẻ KTTT tại các cơ sở GDĐB.

2. GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI

2.1. Vài nét về sự ra đời của phương pháp Montessori

Phương pháp giáo dục Montessori là một phương pháp sư phạm giáo dục trẻ em dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm của bác sĩ và nhà giáo dục Ý Maria Montessori (1870–1952). Vào đầu những năm 1900, khi làm việc với những trẻ có khó khăn về trí tuệ, hành vi và cảm xúc, Montessori đã phát hiện ra rằng các phương pháp dạy học truyền thống không mang lại hiệu quả cho trẻ và bà nhận thấy rằng trẻ em hoàn toàn bị cuốn hút bởi các vật dụng và chất liệu được thiết kế để trợ giúp sự cảm nhận của giác quan. Montessori đã bắt đầu thiết kế và xây dựng những công cụ và phương tiện trợ giúp dạy học chuyên biệt được dùng cho những trẻ trong môi trường thích hợp và tôn trọng những đặc tính riêng biệt của trẻ (Lillard, 2005) [4].

Phương pháp Montessori sau đó được phát triển và mở rộng ra toàn nước Mỹ vào năm 1911 và được biết đến rất nhiều thông qua các phương tiện thông tin, đặc biệt đã được xuất bản thành sách. Đến nay, phương pháp Montessori được phổ biến chủ yếu ở các trường mầm non và tiểu học trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, Montessori là một phương pháp giáo dục khá mới mẻ, chưa được biết đến nhiều và chưa được áp dụng rộng rãi. Ban đầu, chỉ có một số trường mầm non tư thục hoặc các trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc tế ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng phương pháp này. Sau đó, phương pháp Montessori được ngành giáo dục mầm non ở Việt Nam bắt đầu quan tâm nghiên cứu và áp dụng thí điểm.

2.2. Các nguyên tắc và các lĩnh vực của phương pháp Montessori

Có 5 nguyên tắc cơ bản trong phương pháp Montessori đó là: (1) Tôn trọng trẻ em, (2) Tâm trí hấp thụ (*The Absorbent mind*), (3) Thời kỳ nhạy cảm, (4) Môi trường chuẩn bị và (5) Giáo dục tự động (*Autoeducation*).

Các lĩnh vực giáo dục trong phương pháp Montessori bao gồm:

- Thực tế cuộc sống (*Practical Life*): Lĩnh vực này giáo dục cho trẻ KN tự làm việc, quan sát môi trường xung quanh, sự phối hợp, KN vận động khéo léo của tay, khả năng tập trung và sắp xếp một cách khoa học, trật tự. Các hoạt động này là nền tảng cho việc học tập trong tương lai – đặc biệt là đọc, viết và làm toán.
- Giác quan (*Sensorial Materials*): Lĩnh vực này giúp trẻ sử dụng các giác quan của

mình để lĩnh hội các khái niệm về kích thước, màu sắc, hình dạng, đồng thời cũng nâng cao năng lực phối hợp giữa tay và mắt. Trẻ so sánh chiều cao, trọng lượng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, hình dạng và chất liệu.

- Toán (*Math*): Chủ đề này gồm các vật liệu hữu hình thể hiện số lượng. Trẻ sử dụng những vật liệu này để hiểu các khái niệm, biểu tượng và các phép tính. Quá trình học bao gồm giới thiệu về các con số và mối liên hệ giữa số lượng và ký hiệu toán học, tính thứ tự, phép cộng, phép trừ và hệ thống thập phân.

- Ngôn ngữ (*Language*): Lĩnh vực này bao gồm nghệ thuật nói và viết chữ. Trẻ bước đầu tìm hiểu về kiểu mẫu phát âm và ký tự, sự kết hợp, vần điệu và sự đối âm. Tiến trình phát triển KN đọc và viết của trẻ thông qua các phương pháp giúp trẻ tự làm giàu vốn từ vựng, điều khiển tay để viết chữ, nhận mặt chữ, tên gọi và âm thanh.

- Văn hoá (*Culture*): Lĩnh vực này cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa, khoa học và địa lý, xây dựng cho trẻ ý thức về thế giới xung quanh, nơi chúng ta đang sống.

2.3. Sự khác biệt giữa phương pháp Montessori và các phương pháp giáo dục khác

Theo Lillard (2005), phương pháp Montessori có những ưu điểm khác với những phương pháp khác. Có thể khái quát những điểm khác biệt đó thành 7 đặc trưng sau: (1) Các lớp Montessori tập trung các em ở những độ tuổi khác nhau. Thông qua đó, trẻ có thể kích thích và giúp đỡ nhau hoạt động. (2) Trẻ chủ động chọn khu vực học và theo đuổi hứng thú của mình đến khi trẻ muốn đổi qua hoạt động khác. (3) Trẻ học thông qua thử nghiệm với các đồ dùng học tập và qua tương tác với trẻ khác. (4) Đồ dùng học tập được thiết kế chuyên biệt cho từng lĩnh vực, từng hoạt động, từng bài tập. (5) Chương trình dạy được phát triển dựa trên khả năng lĩnh hội của trẻ. (6) Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, chỉ bảo từng em để trẻ phát triển tư duy, tự nâng cao tính độc lập và tự tin. (7) Montessori không có hệ thống thi đua, mục tiêu quan trọng hơn cả là trẻ cảm thấy hạnh phúc khi đến trường và trưởng thành trong cuộc sống. [4]

3. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG ĐỘC LẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

3.1. Xây dựng hệ thống bài tập phát triển kỹ năng hoạt động độc lập cho trẻ khuyết tật trí tuệ theo phương pháp Montessori

Dựa trên cơ sở những vấn đề lí luận cơ bản về KTTT, KN HĐĐL và phương pháp Montessori và kết quả khảo sát thực trạng KN HĐĐL của 45 trẻ KTTT ở Thừa Thiên Huế [1], hệ thống bài tập phát triển KN HĐĐL theo phương pháp Montessori đã được xây dựng nhằm mục đích can thiệp để khắc phục những hạn chế về KN HĐĐL của trẻ KTTT. Hệ thống bài tập được liệt kê trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Danh mục các bài tập phát triển KN HĐĐL

Kỹ năng	Bài tập
Kỹ năng ăn	1. Bài tập dùng thìa 2. Bài tập dùng dĩa 3. Bài tập xếp bàn ăn

	4. Bài tập ghép thẻ nhãn hiệu và thức ăn 5. Bài tập chọn món ăn theo thực đơn
Kĩ năng uống	6. Bài tập xếp chuỗi rót nước 7. Bài tập rót nước vào cốc lớn 8. Bài tập rót nước vào chén nhỏ
Kĩ năng đi vệ sinh	9. Bài tập xếp chuỗi tranh vệ sinh
Kĩ năng rửa mặt/ Rửa tay/ Đánh răng/ Tắm	10. Bài tập xếp chuỗi và thực hành rửa mặt 11. Bài tập xếp chuỗi và thực hành rửa tay 12. Bài tập xếp chuỗi và thực hành đánh răng 13. Bài tập xếp chuỗi và thực hành tắm
Kĩ năng với quần áo	14. Bài tập xếp chuỗi mặc quần áo 15. Bài tập thực hành mặc quần áo cho búp bê 16. Bài tập xếp quần áo 17. Bài tập khâu theo mẫu 18. Bài tập đơm nút áo 19. Bài tập phân nhóm trang phục 20. Bài tập lựa chọn trang phục cho búp bê
Kĩ năng với giày dép	21. Bài tập thắt dây giày 22. Bài tập mang giày thắt dây 23. Bài tập mang giày quai hậu
Kĩ năng đi lại an toàn	24. Bài tập mô hình giao thông 25. Bài tập so cặp biển báo theo tranh 26. Bài tập tình huống giao thông 27. Bài tập câu chuyện giao thông 28. Bài tập xếp chuỗi và thực hành đội mũ bảo hiểm
Kĩ năng với điện thoại	29. Bài tập ghi nhớ số điện thoại 30. Bài tập bấm số điện thoại

Mỗi bài tập được thiết kế gồm 5 phần sau: (1) Tên bài tập; (2) Đồ dùng: mô tả đầy đủ các đồ dùng cho bài tập và hình ảnh minh họa cụ thể; (3) Cách thực hiện: mô tả rõ về môi trường, vị trí tổ chức thực hiện bài tập, công việc của giáo viên và của trẻ; (4) Tự kiểm tra: mô tả cách thức trẻ tự kiểm tra kết quả thực hiện bài tập; (5) Mở rộng: nêu các định hướng mở rộng nội dung thực hiện bài tập và cách thức vận dụng vào thực tiễn. Một số bài tập còn được cung cấp mẫu thẻ ảnh, kí hiệu (nếu cần). Dựa trên mức độ khuyết tật, đặc điểm phát triển của từng trẻ KTTT và điều kiện của lớp học và gia đình, các bài tập này sẽ được lựa chọn, điều chỉnh và mở rộng phù hợp. Dưới đây là một ví dụ cụ thể về bài tập rèn luyện kĩ năng dùng thìa.

Bài tập: Dùng thìa với các loại thức ăn khác nhau

Đồ dùng: 1 khay, 1 thìa, 1 chén và 1 đĩa hoặc tô, 4 thau đựng mẫu thực phẩm dạng hạt, miếng vuông 2cm x 2 cm, miếng chữ nhật 2cm x 4cm, sợi ngắn 5cm.

Cách thực hiện:

Cần chọn vị trí ngồi phù hợp với vóc dáng để trẻ có thể dễ dàng thực hiện hoạt động. Chú ý, lúc ban đầu chỉ nên dùng một mẫu thức ăn đơn giản nhất (hạt) để giúp trẻ tập trung và dễ dàng thành công trong hoạt động này. Sau đó, tăng dần dạng mẫu thức ăn khác nhau để mở rộng khả năng thực hiện của trẻ.



Mang khay đựng đồ dùng đặt trên bàn/sàn nhà. Chọn một lọ đựng thực phẩm, mở nắp và xúc thực phẩm ra chén. Lần lượt xúc tất cả thực phẩm cho đến khi tất cả thực phẩm trong lọ đã ở trong chén. Sau đó, cho ngược tất cả thực phẩm trong chén vào lọ và đậy nắp lại. Cuối cùng, mang khay về chỗ cũ.

Tự kiểm tra: Các mẫu thức ăn được xúc bằng thìa ở trong chén. Không còn thực phẩm nào rơi vãi ra sàn/bàn.

Mở rộng: Sử dụng những loại thìa với chất liệu khác nhau; Sử dụng các mẫu thực phẩm có hình dạng, nguyên liệu/chất liệu khác nhau; Thực hành hoạt động này trong các bữa ăn hàng ngày tại gia đình.

3.2. Kết quả thử nghiệm một số bài tập phát triển kỹ năng hoạt động độc lập trên trẻ khuyết tật trí tuệ

3 trẻ có mức độ KTTT khác nhau được lựa chọn để tiến hành thử nghiệm một số bài tập trong 3 tháng. Quá trình thử nghiệm được thực hiện ở lớp học (chủ đạo) và nhà của trẻ. Quá trình quan sát và phỏng vấn được tổ chức sau mỗi tháng và sau toàn bộ quá trình thử nghiệm để đánh giá sự tiến bộ của trẻ. Mô tả cho từng trường hợp thử nghiệm được trình bày dưới đây:

3.2.1. Trường hợp 1

* Thông tin chung

Trẻ nam tên P.V.T., sinh năm 2002, có KTTT mức nhẹ. Kết quả đánh giá KN HĐĐL cho thấy mức độ phát triển các KN HĐĐL ở mức trung bình, có thể thực hiện được các KN tự phục vụ cơ bản. Một số hạn chế của em là chưa biết lựa chọn trang phục phù hợp cho từng mục đích cụ thể, hạn chế trong việc nhận biết và tuân thủ các qui tắc giao thông cơ bản và sử dụng các tiện ích giao thông công cộng. T. phát triển thể chất bình thường. Em có khả năng nghe hiểu tốt trong khi khả năng nói hạn chế, không nói được câu dài và phát âm khó nghe. Hoạt bát, cởi mở với mọi người, khả năng tập trung tương đối tốt. Tuy nhiên, T. được gia đình chiều chuộng nên có những hành vi chống đối khi không được đáp ứng những điều mình muốn.

* Mục tiêu và nội dung can thiệp

Sau khi tiến hành đánh giá mức độ các KN HĐĐL, trên cơ sở phân tích điểm mạnh điểm

yếu, bốn mục tiêu can thiệp với những bài tập tương ứng sau đây đã được xác định:

Mục tiêu	Bài tập
Chọn quần áo phù hợp sự kiện, thời tiết, giới tính	1. Phân loại thẻ tranh quần áo theo nhóm sự kiện, thời tiết, giới 2. Mặc áo quần cho búp bê giấy/vải theo sự kiện
An toàn khi đi trên các phương tiện giao thông	3. Chọn tình huống giao thông đúng và sai 4. Đặt biển báo giao thông đúng tình huống
Đi lại độc lập, tham gia các tình huống giao thông	5. Các bước đội mũ bảo hiểm 6. Câu chuyện giao thông
Sử dụng điện thoại	7. Đặt số theo vị trí mô hình điện thoại 8. Gọi điện thoại theo số được yêu cầu

* Kết quả can thiệp

Sau ba tháng can thiệp, T. hầu hết đã đạt các mục tiêu đặt ra theo đánh giá của gia đình và giáo viên. Nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành quan sát T. tại lớp học, nơi công cộng và tại gia đình. Đến thời điểm hiện tại, T. đã thành thạo khi chọn trang phục phù hợp với sự kiện. Tuy nhiên, đôi lúc trẻ mặc chưa phù hợp với thời tiết, ví dụ trời nắng thì lại mặc áo ấm và chỉ thay lại quần áo phù hợp khi được nhắc nhở. Thịnh thoảng T. vẫn còn thích mặc áo quần của bé gái. T. rất tự tin khi tham gia giao thông với người lớn (ở nơi đông người, xa lạ) và một mình (ở nơi quen thuộc). Em biết đi trên lề đường, đợi hết xe mới qua đường ở nơi không có chỗ dành cho người đi bộ. Đối với nơi có tín hiệu dành cho người đi bộ, em dường như đã nhận biết được tín hiệu và thực hiện theo tín hiệu giao thông. T. cũng phân biệt được ý nghĩa của đèn xanh, đèn đỏ và ích lợi của việc đội mũ bảo hiểm. T. đội mũ bảo hiểm thành thạo. Điều đặc biệt, T. đã biết sử dụng thành thạo điện thoại mô hình, hiểu được công dụng của điện thoại và biết được cách giao tiếp qua điện thoại. Về tính phù hợp của mục tiêu và các bài tập, cả cha mẹ và giáo viên đều cho rằng các mục tiêu và bài tập đưa ra đều khả thi và vừa sức. Đặc biệt, những nội dung can thiệp này đã giúp T. tự lập hơn trong cuộc sống hàng ngày.

3.2.2. Trường hợp 2

* Thông tin chung

Trẻ gái tên N.T.T.M. sinh năm 2000, có KTTT mức trung bình. Kết quả đánh giá KN HĐDL cho thấy TM. có một số hạn chế đó là chỉ dùng thìa khi ăn cơm và còn rơi vãi nhiều; chưa thực hiện đúng qui trình các KN vệ sinh như đánh răng, rửa mặt, rửa tay, tắm, đi vệ sinh; vẫn chưa có được các KN tham gia giao thông cơ bản. Điều đáng lưu ý TM. là trẻ mồ côi, đang sống tại chùa dưới sự giám sát của bảo mẫu. Sự đòi hỏi cao về tính tự lập khiến TM. có được những kỹ năng độc lập tốt hơn những trẻ cùng mức độ khuyết tật khác. Tuy nhiên, em không được quan tâm can thiệp, giáo dục nhiều, ngoài ở lớp học. Em hạn chế về ngôn ngữ, đặc biệt là khả năng nói.

* Mục tiêu và nội dung can thiệp

Trên cơ sở thực trạng phát triển KN HĐDL và những đặc điểm riêng của TM., nhóm nghiên cứu xác định mục tiêu can thiệp và các bài tập tương ứng như sau:

Mục tiêu	Bài tập
Dùng đũa thuần thục với các loại thức ăn khác nhau	1. Sử dụng đũa để gấp các loại thức ăn khác nhau
Chọn được món ăn theo nhu cầu	2. Lấy món ăn theo thực đơn
Rửa tay, rửa mặt, đánh răng, tắm đúng qui trình	3. Xếp chuỗi qui trình rửa tay 4. Thực hành rửa tay 5. Xếp chuỗi qui trình rửa mặt 6. Thực hành rửa mặt 7. Xếp chuỗi qui trình đánh răng 8. Thực hành đánh răng 9. Xếp chuỗi qui trình tắm 10. Thực hành tắm
Đi lại độc lập, thực hiện được một số qui tắc giao thông cơ bản	11. So cặp biển báo giao thông với tranh có biển báo tương ứng 12. So cặp biển báo với tình huống giao thông

* *Kết quả can thiệp*

Sau ba tháng can thiệp, TM. đã hoàn thành các mục tiêu đặt ra của kế hoạch. Cụ thể TM. đã gấp được các loại thức ăn bằng đũa. Ngoài ra, TM. còn có thể tự chọn thức ăn và tự đề xuất món ăn thông qua các buổi học nấu ăn tại trường. Đối với kỹ năng rửa mặt, rửa tay, đánh răng và tắm, dù TM. không thành thạo khi xếp chuỗi tranh (chỉ làm được một lần, lần hai là bắt đầu sai) nhưng em lại rất thành thạo khi thực hành các kỹ năng này. Em làm chính xác, nhanh và sạch. Trong 03 buổi thực hành kỹ năng đi lại độc lập bên ngoài cho thấy TM. đã biết đi bộ đúng bên, nhận biết và có hành vi phù hợp khi gặp đèn xanh, đỏ và vàng. Về tính phù hợp và khả thi của mục tiêu và bài tập, giáo viên cho rằng các mục tiêu phù hợp và các bài tập đưa ra giúp trẻ thực hiện kỹ năng đúng quy trình. Giáo viên cũng đề nghị rằng trẻ cần tiếp tục được phát triển các kỹ năng độc lập khác như phân biệt người quen người lạ, nhận biết nguy hiểm.

3.2.3. Trường hợp 3

* *Thông tin chung*

Trẻ gái tên N.T.D.M., sinh năm 2004, có KTTT mức nặng. DM. có nhiều hạn chế và thiếu hụt về KN HĐĐL. Em có thể tự xúc ăn bằng thìa, tự uống nước nhưng đều rơi vãi nhiều. Em chỉ ăn với phần cơm và thức ăn đã được chia sẵn trong bát riêng. M. không tham gia được bất kỳ hoạt động ăn uống nào nơi công cộng. M. hầu như không tự đi vệ sinh được, DM. hầu như không thể tự rửa mặt, rửa tay, đánh răng và tắm được. Em không thể cài nút áo, cài khóa kéo quần áo. DM. không tham gia được vào giao thông công cộng. Em cũng không thể nhận biết được những nguy hiểm, trở ngại trên đường đi. Thể chất yếu, hay đau ốm, hạn chế về ngôn ngữ và nhận thức.

* *Mục tiêu và nội dung can thiệp*

Trên cơ sở đặc điểm KN HĐĐL và mức độ trí tuệ của M., nhóm nghiên cứu đã xác định 4 mục tiêu can thiệp với các bài tập tương ứng như sau:

Mục tiêu	Bài tập
Dùng thìa thuận thực với các loại thức ăn khác nhau	1. Bài tập dùng thìa với các loại thức ăn
Tự chọn món ăn trong các bữa ăn tại gia đình, lớp học và quán ăn	2. So cặp nhãn hiệu và các loại món ăn (oshi, kẹo, bánh, sữa, nước ngọt) 3. Lấy món ăn theo thực đơn (com, mì, canh, cá thịt, rau, trái cây)
Nhận biết được qui trình và thực hiện được một phần các KN vệ sinh như rửa mặt, rửa tay, đánh răng.	4. Xếp chuỗi qui trình rửa tay 5. Thực hành rửa tay 6. Xếp chuỗi qui trình rửa mặt 7. Thực hành rửa mặt 8. Xếp chuỗi qui trình đánh răng 9. Thực hành đánh răng
Mặc/cởi được các loại quần áo khác nhau	10. Xếp chuỗi qui trình mặc/cởi quần áo 11. Mặc/ cởi áo quần cho búp bê

** Kết quả can thiệp*

Sau ba tháng can thiệp, DM. hầu hết đã đạt các mục tiêu đặt ra theo đánh giá của gia đình và giáo viên. Nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành quan sát M. tại lớp học, nơi công cộng và tại gia đình. Đến thời điểm hiện tại, M. đã dùng thìa đúng cách khi lấy thức ăn tuy vẫn còn rơi vãi. Em cũng đã chọn được món ăn theo sở thích khi ăn tại nhà, trường và quán ăn với sự trợ giúp của người lớn. Các KN rửa tay, rửa mặt và đánh răng, M. đã làm được theo quy trình nhưng chưa sạch lắm. M. đã mặc và cởi được áo chui đầu và quần thun thành thạo. Về tính phù hợp của mục tiêu và các bài tập, cả cha mẹ và giáo viên đều cho rằng có một vài mục tiêu và bài tập đưa ra hơi khó cho trẻ. Cụ thể, các chuỗi tranh dài và rườm rà làm trẻ khó phân biệt và hiểu được ý nghĩa của từng tranh dẫn đến việc trẻ khó khăn khi xếp chuỗi. Tuy nhiên, về cơ bản, những KN được hình thành và phát triển trong thời gian vừa qua là những KN quan trọng đối với cuộc sống thường ngày của M.. Từ kết quả này, chúng tôi sẽ có những điều chỉnh ở hệ thống bài tập được xây dựng.

4. KẾT LUẬN

KN HĐĐL là những KN tối cần thiết cho mỗi cá nhân. Với sự phát triển bình thường của lứa tuổi, mỗi người hình thành những KN này một cách dễ dàng và tự nhiên do sự tích lũy từ việc tương tác với môi trường và con người xung quanh. Với trẻ KTTT, do chức năng hoạt động trí tuệ bị thiếu hụt đáng kể, khả năng khái quát hoá kém và cơ hội học ngẫu nhiên hạn chế nên KN thích ứng nói chung và KN HĐĐL của trẻ không hoàn thiện, không linh hoạt như trẻ bình thường cùng độ tuổi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, phương pháp Montessori đã được vận dụng để xây dựng 30 bài tập phát triển các KN HĐĐL cơ bản và cần thiết cho trẻ KTTT. Kết quả thử nghiệm một số bài tập trên 3 trẻ với 3 mức độ KTTT khác nhau đã cho thấy tính khả thi và khả năng ứng dụng của hệ thống bài tập này trong can thiệp, rèn luyện KN HĐĐL cho trẻ KTTT.

Tuy nhiên, để việc sử dụng hệ thống bài tập này thực sự có hiệu quả, cần lưu ý một số

điểm sau đây: (1) Việc sử dụng hệ thống bài tập này là nhằm giúp trẻ thực hiện được KN HĐĐL trong thực tiễn cuộc sống chứ không phải là trẻ thuần thực các bài tập trong môi trường giáo dục. (2) Mục tiêu can thiệp và các bài tập được lựa chọn phải dựa trên kết quả chẩn đoán, đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống. (3) Các bài tập rèn luyện KN HĐĐL cần được phối hợp nhịp nhàng với các nội dung can thiệp khác trong một tổng thể tác động toàn diện nhiều lĩnh vực. (4) Các bài tập cần được điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm của từng trẻ, với điều kiện của gia đình, lớp học để mang lại hiệu quả thực tế. Đặc biệt chú ý đến việc tạo cơ hội cho trẻ thực hành các KN đã được rèn luyện. (5) Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường để tạo nên sự thống nhất tác động giáo dục, giúp cho các KN của trẻ được hình thành một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tuấn Vĩnh, Nguyễn Phước Cát Tường, Phạm Thị Quỳnh Ni, Trần Thị Phương Anh, Hoàng Thị Diệu Hồng (2013). Kỹ năng hoạt động độc lập của trẻ khuyết tật trí tuệ. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*. Tập 86, Số 8, 2013. T 310-319.
- [2] Collins, J. (2010). *What are functional skills and why does my child with a disability need them?*, <http://ezinearticles.com/?What-Are-Functional-Skills-And-Why-Does-My-Child-With-A-Disability-Need-Them?&id=1049755>. Truy cập 17/08/2010.
- [3] Herr, C.M., Batemen, B.D. (2012). *Writing measurable and functional and transition IEP goals*, Attainment Company, Inc. USA.
- [4] Lillard, A. S. (2005). *Montessori: The science behind the genius*, New York: Oxford University Press.

Title: APPLYING THE MONTESSORI METHOD TO DEVELOP INDEPENDENT FUNCTIONING SKILLS FOR CHILDREN WITH INTELLECTUAL DISABILITY

Abstract: Independent functioning skills are part of the essential skills system for individuals to ensure normal functioning in daily life. Due to intellectual and cognitive impairments, children with intellectual disability have many difficulties in forming and developing these skills. With its advantages, the Montessori education method was employed to build a system of exercises to develop basic and essential independent functioning skills for children with intellectual disability. Results of teaching some exercises for three children with intellectual disability have shown the feasibility and effectiveness of this exercise system. Some notes when using this exercise system is also listed in the paper.

Keywords: The Montessori method, Independent Functioning skills, Children with intellectual disability

ThS. NGUYỄN TUẤN VĨNH

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

ThS. PHẠM THỊ QUỲNH NI - ThS. NGUYỄN PHƯỚC CÁT TƯỜNG

Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH, HOÀNG THỊ DIỆU HỒNG

Văn phòng Tư vấn di truyền và Hỗ trợ trẻ khuyết tật, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế